

TỜ TRÌNH

**Đề nghị thông qua Dự thảo Nghị quyết về phê chuẩn dự toán thu chi
ngân sách xã và Phương án phân bổ ngân sách xã năm 2024**

Kính gửi: HĐND xã khóa XXI, kỳ họp thứ Bảy;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ “Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 3 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm”;

UBND xã trình HĐND xã khóa XXI- kỳ họp thứ Bảy, xem xét phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã và Phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng thu Ngân sách Nhà nước: 15.283.722.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ hai trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng.

Trong đó: - Thu thường xuyên: 411.291.000 đồng

- Thu bổ sung cân đối: 4.021.309.000 đồng

- Nguồn cải cách tiền lương: 232.786.000 đồng

Nguồn thu dùng cho ĐTXDCB (từ nguồn sử dụng đất): 10.618.386.000 đồng

2. Tổng chi Ngân sách Nhà nước: 15.283.722.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng.

Trong đó: - Chi thường xuyên: 4.442.032.000 đồng

- Chi dự phòng : 223.354.000 đồng

+ Chi ĐTXDCB từ (từ nguồn sử dụng đất): 10.618.386.000 đồng
(Có các Phụ lục chi tiết kèm theo)

UBND xã trình HĐND xã khóa XXI, kỳ họp thứ Bảy, xem xét phê chuẩn.

Nơi nhận:

- HĐND xã;
- Lưu VT

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn dự toán thu- chi ngân sách xã và
Phương án phân bổ ngân sách xã năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HOÀNG CÁT
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ “Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 3 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm”;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; kế hoạch tài chính- ngân sách 3 năm 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số: 255/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 về dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương và hương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số: 5061 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc giao dự toán thu NSNN, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Sau khi xem xét tờ trình số 03 /TTr-UBND ngày 02 / 01/2024 của UBND xã về việc đề nghị phê duyệt dự toán thu NSNN, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2024 và các ý kiến của đại biểu HĐND xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2024 như sau:

3. Tổng thu Ngân sách Nhà nước: 15.283.722.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ hai trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng.

Trong đó: - Thu thường xuyên: 411.291.000 đồng

- Thu bổ sung cân đối: 4.021.309.000 đồng

- Nguồn cải cách tiền lương: 232.786.000 đồng

Nguồn thu dùng cho ĐTXDCB (từ nguồn sử dụng đất): 10.618.386.000 đồng

4. Tổng chi Ngân sách Nhà nước: 15.283.722.000 đồng

Bằng chữ: Mười lăm tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng.

Trong đó: - Chi thường xuyên: 4.442.032.000 đồng

- Chi dự phòng : 223.354.000 đồng

+ Chi ĐTXDCB từ (từ nguồn sử dụng đất): 10.618.386.000 đồng

(Chi tiết phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao cho UBND xã căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật ban hành quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023.

Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND và đại biểu hội đồng nhân dân xã trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND xã khóa XXI kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng 01 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (T/h)
- TT HĐND-UBND huyện
- Phòng TP huyện
- Đảng ủy-HĐND xã
- Các Đại biểu HĐND xã (GS);
- Các thành viên UBND xã (T/h);
- Các ban ngành đoàn thể (P/h);
- Thôn-HTX (T/h);
- Lưu VT, HĐND.

(B/c);

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Hào

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 01 năm 2024 của HĐND xã Hoàng Cát

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ghi chú
A	Thu ngân sách xã	15.283.772.000	
I	Thu Tại xã giao	55.000.000	
II	Thu Phí	16.852.000	
1	Phí xã	11.752.000	
2	Lệ phí môn bài	5.100.000	
3	Thu phạt		
III	Điều tiết thuế	339.439.000	
1	Thuế VAT TNDN	12.007.000	
4	Phí trước bạ	207.200.000	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đất ở	47.936.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, đất SXKD		
7	Thuế TN cá nhân	65.003.000	
8	Thuê đất	7.293.000	
IV	Tiền sử dụng đất	10.618.386.000	
V	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.021.309.000	
1	Bổ sung mục tiêu		
	<i>kinh phí tăng lương tại xã</i>	232.786.000	
	<i>bổ sung ngân sách cấp trên</i>	4.021.309.000	
	<i>kinh phí tăng lương tại huyện</i>	288.586.000	
2	Bổ sung cân đối	3.732.723.000	
B	Chi ngân sách xã	15.283.772.000	
I	Chi đầu tư phát triển	10.618.386.000	
II	Chi thường xuyên	4.442.032.000	
1	Chi quản lý hành chính	3.936.711.000	
1.1	Chi chế độ con người	3.014.316.000	
1.1.1	Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	2.023.200.000	
1.1.2	Phụ cấp cấp ủy xã	84.240.000	
1.1.3	Phụ cấp đại biểu HĐND xã	186.300.000	
1.1.4	Phụ cấp cán bộ bán chuyên trách xã	276.696.000	
1.1.5	Phụ cấp người hoạt động thôn bản	443.880.000	
1.2	Chi các khoản hành chính	987.084.000	
1.2.1	Kinh phí hoạt động của cơ quan Đảng theo QĐ 2587-QĐ/TW ngày 17/10/2018	15.000.000	
1.2.2	Chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND theo NQ 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019	30.000.000	

1.2.3	Kinh phí KP cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân theo NQ 49/2017/NQ-HĐND	24.000.000	
1.2.4	Kinh phí giám sát cộng đồng theo NĐ29/2021	10.000.000	
1.2.5	Kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính theo Nghị quyết 143/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	4.000.000	
1.2.6	Kinh phí giám sát phản biện xã hội theo Nghị quyết 109/2018/NQ-HĐND ngày 11/07/2018	10.000.000	
1.2.7	Hoạt động ban công tác mặt trận khu dân cư theo NQ 108/2018/NQ-HĐND	30.000.000	
	<i>Kinh phí cho UBMTTQ xã</i>	<i>5.000.000</i>	
	<i>Hoạt động ban công tác mặt trận khu dân cư 5 thôn x 5.000.000đ</i>	<i>25.000.000</i>	
1.2.8	Hoạt động của 5 đoàn thể tại xã	57.000.000	
	<i>Hoạt động của MTTQ</i>	<i>6.000.000</i>	
	<i>Hoạt động của Đoàn Thanh niên (cả ĐH Hội LH Thanh niên)</i>	<i>23.000.000</i>	
	<i>Hoạt động của Hội Phụ nữ</i>	<i>6.000.000</i>	
	<i>Hoạt động của Hội Nông dân</i>	<i>6.000.000</i>	
	<i>Hoạt động của Hội Cựu chiến binh (cả tổng kết phòng trào CCB 5 năm)</i>	<i>16.000.000</i>	
1.2.9	Hoạt động của các thôn, tổ MT, chi hội đoàn thể tại thôn, xóm	60.000.000	
	<i>Hoạt động thôn (5 thôn x 3.500.000đ)</i>	<i>17.500.000</i>	
	<i>Hoạt động Tổ MT (5 thôn x 2.500.000đ)</i>	<i>12.500.000</i>	
	<i>Hoạt động Chi đoàn (5Tx1.500.000đ)</i>	<i>7.500.000</i>	
	<i>Hoạt động Chi hội Phụ nữ (5Tx1.500.000đ)</i>	<i>7.500.000</i>	
	<i>Hoạt động Chi hội Nông dân (5Tx1.500.000đ)</i>	<i>7.500.000</i>	
	<i>Hoạt động Chi hội CCB (5Tx1.500.000đ)</i>	<i>7.500.000</i>	
1.2.10	Kinh phí cộng tác viên dân số - KHH theo VS số 8870/UBND -VX ngày 23/6/2021	6.000.000	
1.2.11	Tuyên truyền phổ biến pháp luật	10.000.000	
1.2.12	Chi nghiệp vụ cho cơ quan chính quyền.	415.000.000	
1.2.13	Kinh phí quản lý hành chính khác (tạo nguồn)	150.000.000	
1.2.14	Kinh phí hoạt động của Đảng	118.764.000	
1.2.15	Đại hội MTTQ	27.000.000	
	<i>Kp người trực tiếp giúp đỡ theo NQ 250/2022</i>	<i>4.320.000</i>	
1.2.16	Phần mềm kế toán, QLNN và TS công	16.000.000	
2	Chi đảm bảo xã hội	238.896.000	
2.1	Hưu 130-111	176.076.000	
2.2	Quà chúc thọ mừng thọ	44.500.000	

2.3	Đảm bảo xã hội khác	18.320.000	
3	Sự nghiệp giáo dục (bao gồm cả Trung tâm HTCD)	49.513.000	
	Theo định mức	55.000.000	
	Tiết kiệm chi	5.487.000	
4	Sự nghiệp môi trường	49.887.000	
	Theo định mức	52.000.000	
	Tiết kiệm chi	2.113.000	
5	Sự nghiệp kinh tế	55.000.000	
5.1	Sự nghiệp nông lâm ngư diêm nghiệp, giao thông, thủy lợi	35.000.000	
5.2	Kinh phí chỉ đạo, kiểm tra, giám sát ATTP	20.000.000	
6	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch và truyền thanh	37.963.000	
	Theo định mức	38.358.000	
	Tiết kiệm chi	395.000	
7	Sự nghiệp an ninh	30.000.000	
8	Sự nghiệp quốc phòng	44.062.000	
	Tiết kiệm chi	72.684.000	
III	Chi dự phòng	223.354.000	